

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ NGOẠI GIAO

HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

VŨ VĂN ANH

**SỰ CHUYỂN DỊCH QUYỀN LỰC
TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 2001 ĐẾN NAY**

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9 31 02 06

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Ngoại giao

Người hướng dẫn khoa học:

1- GS. TS. Hoàng Khắc Nam

2- TS. Doãn Mai Linh

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Cơ sở họp
tại Học viện Ngoại giao

Vào hồi giờ ngày tháng năm 2018

Có thể tìm hiểu Luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Ngoại giao

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nghiên cứu về quyền lực là nghiên cứu một vấn đề trung tâm của quan hệ quốc tế. Quá trình chuyển dịch quyền lực đặc biệt giữa các nước lớn thường dẫn đến những biến động trong các cấu trúc quốc tế và nếu đủ lớn có thể dẫn tới sự thay đổi trật tự thế giới. Chính vì vậy, việc nắm bắt được xu hướng chuyển dịch quyền lực cho phép đoán định được diễn biến và kết quả của nhiều tương tác cũng như dự báo về một hệ thống quốc tế mới.

Từ năm 2001 đến nay, thế giới bao hàm trong nó là những nhân tố tác động tới quyền lực đã có nhiều biến đổi căn bản khiến cho quyền lực chuyển dịch một cách rõ nét. Đã có nhiều công trình nghiên cứu cùng với những tranh luận sôi nổi trên các tạp chí chuyên ngành về quá trình chuyển dịch này nhằm đưa ra một cái nhìn khách quan và đa chiều về thực trạng quyền lực và những gì đang và sẽ diễn ra trong hệ thống quốc tế đương đại. Điều này cho thấy vấn đề này ngày càng được quan tâm và đây không chỉ là một vấn đề cơ bản mà còn có tính thời sự.

Việt Nam là một phần tử thuộc hệ thống quốc tế hiện nay tất yếu sẽ bị tác động bởi quá trình chuyển dịch quyền lực đang diễn ra. Quá trình chuyển dịch quyền lực đang đặt ra những thách thức không nhỏ cho Việt Nam như việc cân bằng quan hệ giữa các nước lớn, xử lý những vấn đề nhạy cảm liên quan đến chủ quyền lãnh thổ trong quan hệ với láng giềng Trung Quốc. Việc nhận thức về những xu hướng chuyển dịch quyền lực có ý nghĩa thực tiễn đối với Việt Nam trong việc hoạch định chính sách về dài hạn.

Chính vì vậy, nghiên cứu sinh quyết định chọn "**Sự chuyển dịch quyền lực trong quan hệ quốc tế từ năm 2001 đến nay**" là chủ đề nghiên cứu của Luận án.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

a. Nhóm các công trình lý luận liên quan đến chuyển dịch quyền lực

Về công trình của các tác giả nước ngoài, các nghiên cứu lý luận về quyền lực nói chung rất phong phú với nhiều quan điểm và cách tiếp cận khác nhau. Các công trình mang tính tổng hợp cũng đa dạng. Tuy vậy, các công trình lý luận chuyên sâu về chuyển dịch quyền lực vẫn còn hạn chế. Lý thuyết về chuyển giao quyền lực có ảnh hưởng nhất là của Organski được nêu trong cuốn *World Politics* công bố năm 1958. Lý thuyết của ông đã đặt nền móng lý luận cho chuyển dịch quyền lực theo cách tiếp cận nguồn lực. Tuy nhiên, cách tiếp cận này sẽ là hạn chế trong bối cảnh hiện nay khi nguồn lực không hoàn toàn phản ánh đúng đắn quyền lực quốc gia.

Bên cạnh cách tiếp cận nguồn lực còn có cách tiếp cận quyền lực quan hệ và quyền lực cấu trúc. Trong đó, quan niệm về quyền lực cấu trúc của nhà kinh tế chính trị Susan Strange trong công trình *States and Markets* công bố năm 1988 có sức ảnh hưởng và được áp dụng trong nghiên cứu quan hệ quốc tế nhưng chưa có công trình nghiên cứu lý luận nào về chuyển dịch quyền lực dựa trên cách tiếp cận quyền lực cấu trúc của bà. Đây chính là điểm mà Luận án mong muốn bổ sung và đóng góp.

Về công trình của các tác giả trong nước, các công trình nghiên cứu lý luận về quyền lực và chuyển dịch quyền lực trong quan hệ quốc tế không nhiều. Công trình *Quyền lực trong quan hệ quốc tế: Lịch sử và vấn đề của Hoàng Khắc Nam* là một công trình nghiên cứu lý luận mang tính hệ thống các lý thuyết liên quan đến quyền lực có giá trị tham khảo lớn cho luận án nhưng chưa đề cập nhiều tới chuyển dịch quyền lực.

b. Nhóm các công trình nghiên cứu thực tiễn liên quan đến chuyển dịch quyền lực

Về công trình của các tác giả nước ngoài, số lượng các công trình nghiên cứu thực tiễn liên quan đến chuyển dịch quyền lực rất lớn. Hầu hết các công trình nghiên cứu lịch sử các cuộc chiến tranh và trật tự thế giới giai đoạn trước khi chiến tranh lạnh kết thúc đều chủ yếu dựa trên cách tiếp

cận quyền lực như nguồn lực. Mặc dù như Baldwin đã nhận định cách tiếp cận quyền lực quan hệ là một cuộc cách mạng trong phân tích quyền lực nhưng không phải là cách tiếp cận quyền lực như nguồn lực bị thay thế. Đến giai đoạn đầu thế kỷ XXI, cả thế giới đã chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc, Ấn Độ, có thể được coi là các quốc gia mới nổi có ảnh hưởng lớn tới cán cân quyền lực. Sự trỗi dậy này làm dấy lên vấn đề rằng quyền lực của Mỹ có thể bị thách thức bởi một cường quốc khác. Các học giả cũng bắt đầu quay trở lại với chuyển dịch quyền lực của Organski. Các tác phẩm giai đoạn này thường tập trung vào câu hỏi nghiên cứu: Quyền lực của Mỹ đang chuyển dịch về đâu và như thế nào?

Theo cách tiếp cận quyền lực quan hệ, các công trình được công bố thường tập trung giải quyết trong các quan hệ song phương rất đa dạng và không chỉ các quan hệ song phương của các nước lớn. Do vậy khối lượng nghiên cứu thực tiễn dựa trên cách tiếp cận này rất nhiều. Tuy nhiên lại chỉ ít trong số công trình đó áp dụng được các chiều cạnh lý thuyết của cách tiếp cận này để giải quyết quyền lực trong quan hệ.

Cuối cùng, rất ít tài liệu nghiên cứu về chuyển dịch quyền lực cấu trúc trong quan hệ quốc tế mà chủ yếu vẫn là các công trình nghiên cứu thuộc lĩnh vực kinh tế chính trị.

Về công trình của các tác giả trong nước, số công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quá trình chuyển dịch quyền lực còn ít ỏi. Một trong số đó cần kể đến bài tạp chí Sự biến đổi quyền lực trong thế giới hiện nay của TS. Đinh Quý Độ đăng trên tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Chính trị thế giới số 9 (209) năm 2013. Tuy nhiên, phạm vi nghiên cứu của nghiên cứu này còn hẹp (i) về chủ thể có Mỹ và Trung Quốc (ii) về cấu trúc chỉ tập trung vào cấu trúc kinh tế.

Dựa trên tình hình nghiên cứu vấn đề như vậy, luận án sẽ tiếp thu và vận dụng tất cả những thành quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn nêu trên về quyền lực và chuyển dịch quyền lực. Tuy nhiên, luận án sẽ cố gắng phát triển thêm, đưa ra được một khung phân tích về chuyển dịch quyền lực

theo cách tiếp cận cấu trúc để dựa vào đó áp dụng vào nghiên cứu quá trình chuyển dịch quyền lực đang diễn ra trong các cấu trúc từ năm 2001 đến nay, từ đó, bổ sung thêm vào những mảng còn thiếu trong những nghiên cứu hiện có.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm rõ quá trình chuyển dịch quyền lực đang diễn ra trong quan hệ quốc tế từ 2001 đến nay, đánh giá triển vọng và đề xuất đối sách phù hợp cho Việt Nam.

Để đạt được mục đích trên, luận án sẽ thực hiện những nhiệm vụ nghiên cứu sau đây: (i) hệ thống hoá các khái niệm và thống nhất sử dụng các thuật ngữ có liên quan đến quyền lực và chuyển dịch quyền lực; chỉ ra những cách tiếp cận phổ biến, áp dụng trong nghiên cứu chuyển dịch quyền lực và những ưu, khuyết của mỗi cách tiếp cận. Từ đó, đưa ra cách tiếp cận được áp dụng xuyên suốt luận án. (ii) Đề xuất khung phân tích sẽ áp dụng khi phân tích chuyển dịch quyền lực theo cách tiếp cận đã được thống nhất sử dụng. (iii) Áp dụng khung phân tích để xác định những nhân tố tác động hay những tiền đề, và hình thức chuyển dịch quyền lực đang diễn ra trong các cấu trúc của hệ thống quốc tế từ 2001 – 2017. (iv) Dựa vào sự vận động của hệ thống thông qua các tiền đề khả biến, dự báo triển vọng của quá trình chuyển dịch quyền lực cho đến 2035 và chỉ ra những tác động của quá trình chuyển dịch quyền lực này đối với Việt Nam và đề xuất đối sách phù hợp.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

Về đối tượng nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu của luận án là sự chuyển dịch quyền lực trong quan hệ quốc tế.

Về phạm vi nghiên cứu

(i) Phạm vi không gian: hệ thống quốc tế

(ii) Phạm vi thời gian: từ năm 2001 đến 2017, và dự báo đến năm 2035. Luận án lựa chọn mốc thời gian năm 2001 để nghiên cứu bởi năm 2001 gắn với nhiều sự kiện lớn đánh dấu những sự thay đổi căn bản khiến cho quyền lực bị chuyển dịch rõ nét. Thứ nhất, sự kiện khủng bố

11/9 đã tác động lớn tới sự thay đổi trọng tâm chiến lược của chính quyền Tân tổng thống lúc bấy giờ là George W. Bush. Sự chuyển hướng chiến lược này khiến Mỹ bị sa lầy trong các cuộc chiến bên ngoài lãnh thổ tốn kém, tiêu tốn các nguồn lực kinh tế, quân sự của Mỹ. *Thứ hai*, năm 2001 cũng đánh dấu sự phục hồi kinh tế ấn tượng của Nga sau khi Putin lên nắm quyền năm 2000. *Thứ ba*, năm 2001 là một năm đáng chú ý của Trung Quốc khi quốc gia này chính thức vượt Ý trở thành nền kinh tế đứng thứ 6 thế giới và tham gia vào Tổ chức thương mại thế giới WTO. Năm 2001 cũng là một thời khắc chuyển giao giữa hai thế kỷ và đánh dấu một giai đoạn quyền lực bị chuyển dịch mạnh mẽ đặc biệt giữa Mỹ và các cường quốc còn lại.

(iii) Phạm vi nội dung: quá trình chuyển dịch quyền lực giữa các nước lớn. Mặc dù có nhiều công trình đã chỉ ra có sự phân tán quyền lực từ các chủ thể quốc gia sang các chủ thể phi quốc gia, từ các nước lớn sang các nước vừa và nhỏ. Tuy nhiên, luận án chỉ tập trung nghiên cứu sự chuyển dịch quyền lực giữa các nước lớn cụ thể là Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc bởi quá trình chuyển dịch này diễn ra rõ nét hơn cả. Hơn nữa, sự chuyển dịch quyền lực giữa các nước lớn thường có nhiều ảnh hưởng hơn cả đối với quan hệ quốc tế. Luận án không phủ nhận vai trò của các chủ thể quốc gia đặc biệt là các tổ chức quốc tế, tuy nhiên theo cách tiếp cận của luận án, các tổ chức quốc tế được xem như là phương thức và địa hạt để các nước lớn cạnh tranh ảnh hưởng.

5. Phương pháp nghiên cứu.

Cách tiếp cận: quyền lực cấu trúc

Phương pháp nghiên cứu:

Luận án kết hợp sử dụng các phương pháp nghiên cứu chung cho khoa học xã hội và các phương pháp nghiên cứu đặc thù của ngành quan hệ quốc tế.

Về các phương pháp nghiên cứu chung cho khoa học xã hội, luận án sử dụng các phương pháp định tính trong quá trình phân tích, nhận

định và rút ra các đánh giá. Các phương pháp thống kê được sử dụng khi tổng hợp các chỉ số liên quan đến sức mạnh kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ. Bên cạnh đó, một số phương pháp khác được kết hợp sử dụng như: phương pháp tổng hợp và so sánh, phương pháp thu thập và xử lý thông tin, phương pháp phân tích số liệu, phương pháp kịch bản nhằm đem lại sự logic, chặt chẽ và thuyết phục cho luận án.

Bên cạnh đó, một số phương pháp đặc thù của ngành quan hệ quốc tế được luận án kết hợp áp dụng như: các cấp độ phân tích, phương pháp phân tích lý trí, phương pháp phân tích chính sách nhằm giải quyết một số vấn đề đặc trưng liên quan đến chính sách của các nước lớn và đề xuất chiến lược cho Việt Nam.

6. Đóng góp của Luận án.

Về khoa học

Luận án tổng hợp của các quan niệm về chuyển dịch quyền lực từ các lý thuyết QHQT, các cách tiếp cận quyền lực khác nhau và xác định khả năng áp dụng của các quan niệm đó. Bên cạnh đó, luận án đề xuất một khung phân tích chuyển dịch quyền lực cấu trúc bao gồm những tiền đề cho chuyển dịch quyền lực và các hình thức chuyển dịch quyền lực cấu trúc. Qua đó, luận án đóng góp cho việc nghiên cứu lý luận về quyền lực cũng như chuyển dịch quyền lực trong quan hệ quốc tế.

Luận án đã phân tích sự chuyển dịch quyền lực đang diễn ra trong các cấu trúc kinh tế, an ninh-chính trị của hệ thống quốc tế từ năm 2001 đến năm 2017 bao gồm những thay đổi lớn làm tiền đề và nhận biết hình thức chuyển dịch quyền lực cấu trúc hiện nay. Đây cũng là đóng góp của luận án vào việc nghiên cứu hệ thống quốc tế đương đại.

Bên cạnh đó, luận án áp dụng phương pháp xây dựng kịch bản trong xây dựng chiến lược để dự báo triển vọng chuyển dịch quyền lực trong quan hệ quốc tế cho đến năm 2035, từ đó, đóng góp vào việc nghiên cứu dự báo trong quan hệ quốc tế.

Về thực tiễn

Luận án là công trình tham khảo cho việc giảng dạy, nghiên cứu về quyền lực nói chung, chuyển dịch quyền lực giữa các nước lớn nói riêng và áp dụng cách tiếp cận quyền lực cấu trúc trong nghiên cứu quan hệ quốc tế. Công trình này cũng có giá trị trong việc chỉ ra những ưu khuyết của các lựa chọn chính sách cho Việt Nam trong mối quan hệ với Trung Quốc trong bối cảnh hiện nay.

7. Bố cục của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, và phụ lục, luận án gồm 03 chương với bố cục như sau: Chương 1: Cơ sở lý luận và lịch sử về chuyển dịch quyền lực; Chương 2: Tiền đề và quá trình chuyển dịch quyền lực trong quan hệ quốc tế từ năm 2001 đến năm 2017; Chương 3: Triển vọng chuyển dịch quyền lực đến năm 2035 và đối sách của Việt Nam

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm quyền lực

Khái niệm quyền lực là một khái niệm cơ bản nhưng đầy thách thức. Cùng với sự phát triển của các lý thuyết quan hệ quốc tế, khái niệm quyền lực cũng không ngừng được phát triển với những nội hàm và ngoại diên đa dạng.

Trong số các khái niệm được đưa ra, có nhiều khái niệm chịu ảnh hưởng nhiều bởi tư tưởng của chủ nghĩa Hiện thực cho rằng quyền lực là khả năng áp đặt ý chí của chủ thể này lên chủ thể khác. Theo quan điểm này, quan hệ quốc tế thường chủ yếu xoay quanh các quốc gia, đặc biệt các nước lớn; chính vì vậy, các công trình nghiên cứu áp dụng nhóm khái niệm này thường đề cập tới quyền lực của các cường quốc. Mặc dù luận án xem xét quyền lực của các nước lớn hiện nay nhưng sự phụ thuộc lẫn nhau, sự phát triển của các giá trị chung và luật pháp quốc

tế đã hạn chế được chủ nghĩa đơn phương từ các nước lớn. Bản thân các nước lớn cũng không thể áp đặt lẫn nhau mà chỉ có thể kiềm chế lẫn nhau để cuối cùng, đạt được những lợi ích quốc gia của mình.

Chính vì lẽ đó, luận án đi đến một khái niệm quyền lực là khả năng chủ thể này gây ảnh hưởng và kiềm chế hành vi của chủ thể khác để thực hiện được mục tiêu và lợi ích quốc gia trong quan hệ với nhau.

1.1.1.2. Khái niệm chuyển dịch quyền lực

Để mô tả sự vận động của quyền lực, các học giả trong và ngoài nước đã đưa ra rất nhiều thuật ngữ khác nhau. Trong các công trình nghiên cứu của các học giả quốc tế, mỗi thuật ngữ thậm chí cũng không được sử dụng thống nhất. Cũng chính vì vậy, khi dịch sang Tiếng Việt cũng có nhiều phiên bản khác nhau. Sự đa dạng trong các thuật ngữ cũng phản ánh được tính phức tạp và chưa được hệ thống của vấn đề nghiên cứu. Luận án đi đến sử dụng thuật ngữ chuyển dịch quyền lực để mô tả sự vận động của quyền lực trong quan hệ giữa các nước lớn vốn là những trung tâm quyền lực quan trọng đối với toàn thế giới.

1.1.1.3. Các khái niệm liên quan

Về chủ thể quan hệ quốc tế, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, để làm sáng tỏ sự chuyển dịch quyền lực giữa các nước lớn trong quan hệ quốc tế thì chủ thể quốc gia vẫn là chủ thể chính yếu và các tổ chức quốc tế đóng vai trò như là các địa hạt để các quốc gia cạnh tranh ảnh hưởng. Về thứ bậc và khái niệm nước lớn, sự phân bổ các nguồn lực sẽ tạo ra ý niệm về thứ bậc trong hệ thống quốc tế và làm cơ sở để xác định nước lớn. Khái niệm nước lớn được xác định là quốc gia sở hữu các nguồn lực lớn trong một hay nhiều lĩnh vực. Về hệ thống, cấu trúc và kiến trúc quốc tế, hệ thống quốc tế là một chỉnh thể gồm các chủ thể quan hệ quốc tế và những mối quan hệ tương tác giữa chúng được cấu trúc theo những luật lệ và mẫu hình nhất định. Nhân tố cốt lõi của hệ thống quốc tế chính là cấu trúc của nó. Cấu trúc quốc tế phản ánh một trạng thái tĩnh các dàn xếp có thứ bậc giữa các chủ thể bên trong hệ

thống quốc tế và những nguyên tắc chung trong quan hệ giữa các chủ thể đó. Để phổ biến các giá trị hay những chuẩn tắc trong quan hệ, *kiến trúc quốc tế* được hình thành thông qua một mạng lưới gồm các các dàn xếp song phương và đa phương được cố kết một cách hợp lý và hoạt động một cách tập thể.

1.1.2. Các quan niệm về chuyển dịch quyền lực

Các quan niệm về chuyển dịch quyền lực đến nay chủ yếu phát triển dựa trên các cách tiếp cận quyền lực. Dựa vào biểu hiện của quyền lực, có ba cách tiếp cận quyền lực phổ biến:

1.1.2.1. Chuyển dịch trong nguồn lực

Theo cách tiếp cận này, quyền lực được phản ánh thông qua các nguồn lực mà một quốc gia sở hữu. Theo đó, sự chuyển dịch quyền lực đồng nghĩa với sự thay đổi trong phân bố nguồn lực giữa các quốc gia, hay sự thay đổi trong tương quan lực lượng. Cách tiếp cận quyền lực như nguồn lực này dù đã thành công trong việc đặt ra những nền móng đầu tiên cho nghiên cứu quyền lực quốc gia và hơn nữa, việc đo lường quyền lực trở nên khả thi hơn nhưng cũng đang bộc lộ những hạn chế trong việc giải thích nhiều thực tiễn quan hệ quốc tế. Thật vậy, không phải quốc gia nào có lợi thế về nguồn lực, sức mạnh thì có nhiều quyền lực hơn.

1.1.2.2. Chuyển dịch quyền lực quan hệ

Bởi những hạn chế nêu trên, cách tiếp cận quyền lực như nguồn lực đã bị thách thức bởi một cách tiếp cận khác cho rằng quyền lực được phản ánh qua mỗi quan hệ. Để xem xét quá trình chuyển dịch quyền lực theo cách tiếp cận này cần phải xem xét từng cặp quan hệ song phương giữa các quốc gia hoặc giữa một quốc gia với một nhóm trong một chiều dài thời gian để thấy được sự thay đổi trong quyền lực giữa các bên. Tuy nhiên sẽ rất cồng kềnh và khó để đo lường quyền lực theo cách tiếp cận này. Đặc biệt nếu muốn xem xét quyền lực của một quốc gia trên bình diện toàn cầu thì phải tính toán cùng lúc nhiều mối quan hệ đan xen phức tạp. Tuy nhiên, thế giới không ngừng vận động với sự thay đổi không chỉ ở các nhân tố bên

trong mà còn các nhân tố bên ngoài của mối quan hệ, đặc biệt từ hệ thống-cấu trúc. Do vậy những tính toán chi tiết và tách biệt mà không tính đến tác động từ hệ thống-cấu trúc đôi khi lại mất đi tính tổng thể trong một bối cảnh luôn vận động và phức tạp.

1.1.2.3. Chuyển dịch quyền lực cấu trúc

Cách tiếp cận này cho rằng quyền lực quốc gia được biểu hiện thông qua khả năng xác lập luật chơi trong quan hệ quốc tế. Cách tiếp cận quyền lực cấu trúc này đã hỗ trợ cách tiếp cận quyền lực quan hệ trong việc xác định quyền lực quốc gia trên bình diện toàn cầu tránh những phương pháp định lượng cầu kỳ mà vẫn phản ánh được tính quan hệ trong khái niệm quyền lực. Hơn nữa, khi quan hệ quốc tế phát triển, sự phụ thuộc lẫn nhau ngày càng gia tăng thúc đẩy những chuẩn tắc, chuẩn mực chung trong quan hệ giữa các quốc gia và hạn chế khả năng áp đặt ý chí bằng các hình thức quân sự thì quyền lực cấu trúc là một cách tiếp cận phù hợp. Tuy nhiên, khả năng áp dụng của cách tiếp cận này hẹp hơn so với cách tiếp cận quyền lực quan hệ bởi trên thực tế chủ yếu là các nước lớn mới có được quyền lực cấu trúc trong bối cảnh ngày nay.

Dựa vào cách tiếp cận này, chuyển dịch quyền lực cấu trúc có nghĩa là sự thay đổi vai trò và ảnh hưởng của các chủ thể đối với những luật chơi, hay mẫu hình quan hệ giữa các chủ thể khác trong quan hệ quốc tế. Bởi sự phù hợp với phạm vi nghiên cứu của luận án về nội dung là sự chuyển dịch quyền lực giữa các nước lớn và về thời gian từ 2001 đến nay, luận án lựa chọn sử dụng quan niệm về chuyển dịch quyền lực cấu trúc.

1.1.3. Khung phân tích chuyển dịch quyền lực cấu trúc

1.1.3.1. Những tiền đề cho chuyển dịch quyền lực

Cần phải nhìn nhận rằng, quyền lực của quốc gia không chỉ phụ thuộc vào các yếu tố bên trong mà còn phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài. Như vậy, luận án xác định những tiền đề là: (i) biến đổi bên trong bản chất quyền lực, (ii) thay đổi tương quan lực lượng, (iii) điều chỉnh chính sách của các nước lớn, (iv) những thay đổi của môi trường quốc tế. Những nhân

tổ này có sự liên hệ chặt chẽ lẫn nhau. Môi trường thay đổi có thể khiến vị thế thay đổi và từ đó cũng dẫn tới chính sách thay đổi. Khi bốn nhân tố này thay đổi đủ lớn sẽ thúc đẩy quá trình chuyển dịch quyền lực. Và trong quá trình chuyển dịch đó, các nhân tố này cũng vẫn tiếp tục vận động.

1.1.3.2. Các hình thức chuyển dịch quyền lực

Sự chuyển dịch quyền lực cấu trúc giữa các nước lớn có thể diễn ra dưới ba hình thức dưới đây:

Thứ nhất, chuyển dịch nội sinh. Đây là quá trình chuyển dịch quyền lực hình thành và phát triển bên trong các cấu trúc sẵn có của hệ thống quốc tế. Như vậy, dù quá trình chuyển dịch quyền lực có diễn ra, những nguyên tắc, mẫu hình quan hệ chung không thay đổi về cơ bản, nếu có chỉ là sự phát triển có tính kế thừa, và sự thay đổi chính nằm ở thứ bậc của các cường quốc trong hệ thống. Chuyển dịch theo hình thức này thường diễn ra giữa hai quốc gia có sự phụ thuộc lẫn nhau lớn hay quan hệ đồng minh thân thiết và mang tính tự nguyện cao.

Thứ hai, chuyển dịch ly tâm. Đây là sự chuyển dịch quyền lực hình thành từ bên trong cấu trúc sẵn có của hệ thống và có xu hướng phát triển ra bên ngoài- hình thành cấu trúc mới với luật chơi mới và không thuộc ảnh hưởng của cường quốc nguyên trạng. Như vậy, sự thay đổi về thứ bậc có thể có hoặc không diễn ra nhưng xuất hiện nhiều thêm các nguyên tắc, mẫu hình quan hệ mới. Chuyển dịch theo hình thức này thường diễn ra giữa hai quốc gia có sự phụ thuộc lẫn nhau nhưng cũng có những mâu thuẫn về lợi ích, do đó, mang tính cạnh tranh đan xen hợp tác.

Thứ ba, chuyển dịch ngoại sinh. Chuyển dịch ngoại sinh là quá trình chuyển dịch quyền lực hình thành và phát triển bên ngoài các cấu trúc sẵn có của hệ thống quốc tế. Như vậy, quá trình chuyển dịch quyền lực dẫn tới hình thành thêm một cấu trúc mới. Theo đó, hệ thống quốc tế sẽ thay đổi thành một hệ thống hai cực bao gồm trong nó là hai tiểu hệ thống tách biệt với những cấu trúc riêng biệt. Chuyển dịch theo hình thức này thường diễn ra giữa hai quốc gia có ít sự phụ thuộc lẫn nhau và mối quan hệ mang tính

đổi đầu cao. Chính vì thế, quá trình chuyển dịch ngoại sinh thường đi kèm chạy đua vũ trang hoặc xung đột quân sự.

1.2. Cơ sở lịch sử

1.2.1. Chuyển dịch quyền lực nội sinh giữa Anh – Mỹ trong cấu trúc kinh tế (1918-1945)

Về tiền đề, (i) Cùng với cách mạng công nghiệp lần thứ 2 và sự phát triển của hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa thì vai trò của kinh tế ngày càng được nhận thức như một thành tố quan trọng tạo nên sức mạnh quốc gia. (ii) Sự suy giảm của chủ nghĩa bá quyền Anh sau năm 1870 để lại một khoảng trống quyền lực trong cấu trúc kinh tế thế giới, tạo bước ngoặt cho hệ thống thế giới với sức mạnh nổi lên của Mỹ. (iii) Tuyên bố 14 điểm của Wilson đầu năm 1918 đã đánh dấu tư tưởng mới trong tư duy lãnh đạo Mỹ từ chủ nghĩa biệt lập sang chủ nghĩa quốc tế và đóng vai trò dẫn dắt trong nền kinh tế toàn cầu. (iv) xu thế toàn cầu hoá kinh tế giai đoạn này đã thúc đẩy thương mại tự do và từ đó hậu thuẫn cho quyền lực Mỹ. Từ những tiền đề đó, quá trình chuyển dịch quyền lực đã diễn ra trong cấu trúc kinh tế

Về quá trình chuyển dịch nội sinh, trước Chiến tranh Thế giới thứ nhất, cấu trúc kinh tế quốc tế được hình thành bởi các nguyên tắc về tự do thương mại với vai trò lớn của Anh và Mỹ - một cường quốc kinh tế đang trỗi dậy. Mỹ đã từng bước chủ động nắm lấy vai trò người cầm cương của hệ thống kinh tế thế giới. Sau chiến tranh, trong khi các cường quốc đều bị ảnh hưởng, Mỹ đã lại có được thời cơ nắm lấy vai trò lãnh đạo trong cấu trúc kinh tế bằng việc thúc đẩy hình thành hệ thống Bretton Woods – một kiến trúc mới củng cố nguyên tắc tự do thương mại và lấy đồng USD làm trung tâm với hai cơ chế trụ cột là IMF và IBRD nhằm quản lý tiền tệ quốc tế và khẳng định vai trò bá quyền trong cấu trúc kinh tế toàn cầu.

1.2.2. Chuyển dịch quyền lực ngoại sinh giữa Mỹ và Liên Xô trong hệ thống quốc tế Yalta (1945-1991)

Về tiền đề, (i) sự ra đời của vũ khí hạt nhân và hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa có thể được coi là hai thay đổi căn bản lớn nhất để hình thành

nên một trật tự hai cực với hai hệ thống được dẫn dắt bởi Liên Xô và Mỹ. (ii) Mặc dù sau Thế chiến II, Mỹ có ưu thế nổi trội và là cường quốc sở hữu vũ khí hạt nhân nhưng Liên Xô cũng nhanh chóng phục hồi và theo sau Mỹ trở thành một cường quốc hạt nhân. (iii) Xuất phát từ sự khác biệt về ý thức hệ và nhận thức mối đe dọa từ quốc gia còn lại, Mỹ và Liên Xô công khai chính sách đối đầu. (iv) Cùng với sự nổi lên của các nguy cơ an ninh truyền thống như chạy đua vũ trang và xung đột quân sự, quá trình chuyển dịch ngoại sinh đã diễn ra giữa Mỹ và Liên Xô.

Về quá trình chuyển dịch ngoại sinh, từ sau kết quả của hội nghị Yalta, Mỹ cũng thúc đẩy hình thành nên cấu trúc kinh tế với nguyên tắc kinh tế thị trường và thương mại tự do thông qua IMF, IBRD, GATT, và kế hoạch Marshall; cấu trúc an ninh với nguyên tắc phòng thủ tập thể thông qua các khối quân sự NATO, SEATO; cấu trúc chính trị có Học thuyết Truman. Liên Xô cũng đã không ngừng nỗ lực xây dựng một hệ thống tương đối toàn diện gồm các cấu trúc kinh tế, an ninh và tư tưởng làm đối trọng với hệ thống mà Mỹ đã xác lập – về kinh tế có COMECON, về chính trị có COMINFORM và về an ninh có WARSAW. Mặc dù Liên Xô đã xây dựng được một hệ thống củng cố cho quyền lực và vai trò lãnh đạo của mình nhưng hệ thống này vẫn còn yếu hơn nhiều so với hệ thống của Mỹ cả về chất lẫn về lượng. Và thực tế, hệ thống xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ, Liên Xô tan rã và quá trình chuyển dịch quyền lực giữa Mỹ và Liên Xô hay cuộc cạnh tranh quyền lực giữa hai siêu cường này đã chấm dứt.

1.2.3. Chuyển dịch quyền lực ly tâm giữa Liên Xô và Trung Quốc trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trong Chiến tranh Lạnh

Về tiền đề, Trong giai đoạn 1960-1989 những đặc điểm thuộc về bản chất quyền lực cũng giống những đặc điểm của hệ thống Yalta đã đề cập ở trên. Sự ra đời của vũ khí hạt nhân khiến tương quan lực lượng thay đổi nhanh chóng. Tuy nhiên, các tiền đề cho quá trình chuyển dịch này gồm có thêm: (i) việc Trung Quốc sở hữu vũ khí hạt nhân và gia tăng sức mạnh

quân sự; (ii) quá trình Phi Stalin hoá bên trong khối XHCN; (iii) mối đe dọa từ khối TBCN; (iv) sự điều chỉnh chính sách sang đối đầu từ hai phía.

Về quá trình chuyển dịch ly tâm, từ năm 1945, cấu trúc của hệ thống xã hội chủ nghĩa nhanh chóng định hình với bá quyền Liên Xô và sợi dây liên kết là ý thức hệ Xã hội Chủ nghĩa dựa trên một kiến trúc toàn diện với ba trụ cột: COMINFORM, COMECON, và WARSAW. Sau khi Đảng Cộng sản giành thắng lợi trong cuộc nội chiến ở Quốc vào ngày 1/10/1949, Trung Quốc là một phần quan trọng trong Phong trào Cộng sản & Công nhân quốc tế cũng như là quan sát viên của COMECON. Từ năm 1960, những mâu thuẫn xuất phát từ tư tưởng đã khiến cho Trung Quốc bắt đầu ly tâm ra khỏi hệ thống xã hội chủ nghĩa mà Liên Xô dẫn dắt thông qua việc tập hợp lực lượng dựa trên các học thuyết với hàm ý hình thành nên một “thế giới thứ ba” đông đảo và trung lập giữa Xô – Mỹ.

CHƯƠNG 2

TIỀN ĐỀ VÀ QUÁ TRÌNH CHUYỂN DỊCH QUYỀN LỰC

TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ TỪ NĂM 2001 ĐẾN NĂM 2017

2.1. Những tiền đề cho quá trình chuyển dịch quyền lực từ năm 2001

2.1.1. *Biến đổi bên trong quyền lực*

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, thế giới không ngừng vận động và có sự biến đổi rõ nét trong các thành tố của quyền lực. Hai thay đổi lớn nhất có thể thấy rõ trong thế kỷ XXI là vai trò gia tăng mạnh mẽ của kinh tế và khoa học công nghệ. Cùng với những khó khăn trong việc sử dụng lực lượng quân sự, các nước lớn cũng thay đổi cách thức thực thi quyền lực và cạnh tranh lẫn nhau. Điều này mang lại những đặc điểm riêng cho chuyển dịch quyền lực trong giai đoạn này

2.1.2. *Thay đổi tương quan lực lượng*

Trong một thập kỷ đầu sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc vào năm 1991, Mỹ trải qua khoảnh khắc đơn cực trong vai trò của một siêu cường đơn độc với sức mạnh nổi trội toàn diện về kinh tế, quân sự, khoa học công nghệ và các nguồn lực mềm mà không có quốc gia nào

có khả năng thách thức. Bước vào thế kỷ XXI, từ năm 2001 tương quan lực lượng bắt đầu có sự chuyển biến rõ rệt, đặc biệt về kinh tế với sự trỗi dậy mạnh mẽ từ Trung Quốc.

2.1.3. Một số điều chỉnh chính sách của các nước lớn

Nhìn chung, từ đầu thế kỷ XXI đến nay, các nước lớn đã có những điều chỉnh rõ nét trong chính sách đối ngoại. Một cách tổng thể, những sự điều chỉnh này của Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và EU đều phản ánh mong muốn hệ thống đa cực cân bằng hơn thay vì hệ thống nhất siêu đa cường trong thập niên 1990.

2.1.4. Những thay đổi trong môi trường quốc tế

Sự phát triển phức tạp của các vấn đề an ninh phi truyền thống cùng với sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia về mọi mặt khiến kìm chế mặt xung đột trong quan hệ giữa các quốc gia. Đặc biệt, sự phụ thuộc lẫn nhau đã và đang tạo cơ hội và thách thức cho các cường quốc mưu đạt quyền lực cấu trúc. Tất cả những điều này đều tác động đến sự vận động của quá trình chuyển dịch quyền lực trong giai đoạn này.

2.2. Quá trình chuyển dịch quyền lực trong các cấu trúc của hệ thống quốc tế từ năm 2001 đến năm 2017

2.2.1. Chuyển dịch quyền lực trong cấu trúc kinh tế

Trong một thập niên đầu sau Chiến tranh Lạnh, cấu trúc kinh tế đã nhanh chóng được định hình bởi các nền kinh tế phát triển trong nhóm G7. Đặc biệt, vai trò như đầu tàu của nền kinh tế thế giới và người bảo vệ cho hàng hoá lưu thông thuộc về Mỹ qua các nguyên tắc về thương mại tự do, lấy đồng USD làm trung tâm. Các chính sách kinh tế toàn cầu của Mỹ tập trung vào việc củng cố kiến trúc kinh tế toàn cầu dựa trên ba thể chế chính được duy trì từ hệ thống Bretton Wood. Ngân hàng thế giới (WB) đóng vai trò điều phối các chính sách về tài chính, Quỹ Tiền tệ quốc tế đóng vai trò điều phối các hợp tác tiền tệ toàn cầu trong khi Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) sau

này là Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đóng vai trò như xương sống của hệ thống thương mại đa phương do Mỹ lãnh đạo.

Đến nay, một cách tổng thể ở cấp độ toàn cầu vai trò lớn của Mỹ cùng các đồng minh châu Âu và Nhật Bản vẫn được duy trì dựa trên kiến trúc toàn diện với ba trụ cột: IMF, WB và WTO. Tuy nhiên, vai trò lãnh đạo hệ thống kinh tế toàn cầu đã được san sẻ dần cho các đồng minh và cả các cường quốc mới nổi mà chủ yếu là Trung Quốc. Việc quốc tế hóa đồng nhân dân tệ, những vai trò lớn hơn trong các thể chế tài chính, thương mại toàn cầu do Mỹ dẫn dắt và việc kiến trúc nên những thể chế tài chính cùng các khuôn khổ hợp tác thương mại khu vực mới là những minh chứng rõ ràng cho thấy sự gia tăng mạnh mẽ quyền lực cấu trúc của Trung Quốc trong giai đoạn 2001 đến nay. Trong giai đoạn này, quyền lực cấu trúc mà Trung Quốc nỗ lực đạt được chủ yếu nằm trong phạm vi khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Tuy nhiên, nhìn vào xu hướng mở rộng của các thể chế mà Trung Quốc dẫn dắt, cũng hoàn toàn có khả năng các thể chế đó được quốc tế hóa và cạnh tranh với các thể chế của Mỹ giống như những gì Trung Quốc đã làm đối với đồng nhân dân tệ.

2.2.2. Chuyển dịch quyền lực trong cấu trúc an ninh – chính trị

Về cấu trúc chính trị, năm 2001 đánh dấu một sự thay đổi trong cấu trúc chính trị khi Mỹ xây dựng Cộng đồng các nền dân chủ (CD) đứng đầu là 24 nước trong Hội đồng (CCD) để thúc đẩy một cách chính thức các giá trị dân chủ nhân quyền trở thành một quy chuẩn trong hệ thống quốc tế đương đại. Cho đến nay, bởi sức hút của nền kinh tế Trung Quốc, nhiều quốc gia châu Á đã thay đổi theo mô hình phát triển của Trung Quốc và theo quan niệm của Mỹ và phương Tây là xa rời dân chủ hơn.

Về cấu trúc an ninh, bước vào TK XXI, cấu trúc an ninh quốc tế được định hình với vai trò lớn của Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc – năm thành viên thường trực có quyền phủ quyết trong tổ chức hợp tác an ninh quyền lực nhất dựa trên nguyên tắc an ninh tập thể ở cấp độ toàn cầu là Hội đồng Bảo An Liên Hợp Quốc. Ở cấp độ khu vực, dựa

trên nguyên tắc phòng thủ tập thể là NATO, các dàn xếp song phương trực và nan hoa do Mỹ dẫn dắt. Tuy nhiên đến nay, không có sự thay đổi nhiều như cấu trúc kinh tế. Sự chuyển dịch quyền lực trong cấu trúc an ninh rõ rệt nhất là sự chuyển dịch quyền lực có tính tự nguyện của Mỹ đối với các đồng minh châu Âu và Nhật Bản. Khác với những quan điểm của chủ nghĩa hiện thực cho rằng sự nghi kỵ luôn tồn tại giữa các quốc gia thì Mỹ với những gánh nặng quốc tế đang muốn châu Âu và Nhật Bản chủ động hơn thay vì phụ thuộc vào Mỹ. Ở góc độ cạnh tranh, Anh – Pháp dù là những đồng minh thân cận với Mỹ những hiện nay cũng bộc lộ những mâu thuẫn với mức độ ngày càng nhiều. Ở lục địa Á –Âu, Nga vẫn muốn khẳng định ảnh hưởng của mình tại không gian hậu Xô Viết bằng việc xây dựng khối quân sự CSTO với mệnh danh là “NATO phương Đông” tuy nhiên, những gì CSTO làm được vẫn còn hạn chế trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại, về tổng thể quá trình chuyển dịch quyền lực nội sinh cùng với ly tâm đang diễn ra trong hệ thống quốc tế từ 2001 cho đến 2017 đã dẫn tới việc hình thành nên một kiến trúc phức tạp và quyền lực cấu trúc không còn tập trung trong tay Mỹ và các đồng minh mà đã bị chuyển dịch một cách đáng kể, đặc biệt là về phía Trung Quốc. Tuy nhiên, sự ly tâm của Trung Quốc chủ yếu nhìn thấy trong cấu trúc kinh tế.

CHƯƠNG 3

TRIỂN VỌNG CHUYỂN DỊCH QUYỀN LỰC ĐẾN NĂM 2035 VÀ ĐỐI SÁCH CỦA VIỆT NAM

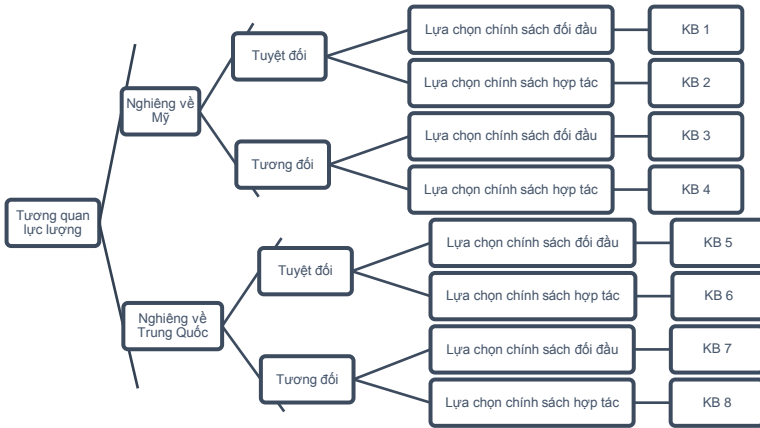
3.1. Triển vọng chuyển dịch quyền lực đến năm 2035

3.1.1. Các kịch bản chuyển dịch quyền lực đến năm 2035

Trong bốn tiền đề cho chuyển dịch quyền lực, hai tiền đề khả biến được xác định là tương quan lực lượng và chính sách của các nước lớn. Trong đó tương quan lực lượng có thể thay đổi theo hai chiều hướng chính với các mức độ thay đổi khác nhau và sự lựa chọn chính sách của các nước lớn theo hướng nhân nhượng hay đối đầu là chính.

Từ đó, luận án xây dựng các kịch bản chuyển dịch quyền lực cho đến 2035 như sau:

Hình 3.1. Các kịch bản chuyển dịch quyền lực



3.1.2. Đánh giá các kịch bản

Để đánh giá khả năng hiện thực hoá của các kịch bản cần phải xem xét khả năng thay đổi của các tiền đề khả biến cho đến 2035. Nhìn chung, cho đến 2035, tương quan lực lượng nhiều khả năng thay đổi một cách tương đối, ưu thế thuộc về Mỹ hay Trung Quốc còn phụ thuộc nhiều vào chính sách cụ thể của hai cường quốc hoặc đối tượng nào bị tác động nhiều hơn bởi một cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu có thể xảy ra. Chính vì vậy kịch bản kịch bản 3 có khả năng xảy ra cao. Khi đó, quá trình chuyển dịch quyền lực ly tâm vẫn tiếp tục diễn ra ở mức độ nhẹ hơn hoặc tương đương với quá trình ly tâm từ 2001 đến 2017. Kèm theo quá trình này là sự cạnh tranh của Mỹ để giảm ảnh hưởng của mình tại khu vực. Do đó, quan hệ Mỹ - Trung do đó vừa cạnh tranh, vừa hợp tác nhưng mặt cạnh tranh vẫn nổi trội hơn. Những mâu thuẫn có thể bộc lộ trong lĩnh vực kinh tế. Những va chạm thương mại có thể dẫn tới một cuộc chiến tranh thương mại.

3.2. Đối sách của Việt Nam

3.2.1. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam

3.2.1.1. Cơ hội

Thứ nhất, chuyển dịch quyền lực không đi kèm chiến tranh, và hợp tác vẫn được duy trì tạo môi trường ổn định cho phát triển.

Thứ hai, chuyển dịch ly tâm dẫn tới hình thành các kiến trúc mới đa dạng đặc biệt ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương, điều này cũng góp phần nâng cao vai trò của các nước vừa và nhỏ.

Thứ ba, chuyển dịch ly tâm khiến thay đổi cấu trúc quốc tế theo hướng tránh tập trung quyền lực vào Mỹ và các đồng minh, giảm sức ép dân chủ kiểu phương Tây đối với Việt Nam.

3.2.1.2. Thách thức

Thứ nhất, Việt Nam kẹt trong cạnh tranh ảnh hưởng nước lớn

Thứ hai, hoà hoãn Mỹ - Trung (kịch bản 4) sẽ tạo ra mối đe dọa lớn cho chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam

3.2.2. Một số gợi ý cho Việt Nam

Về mục tiêu đối ngoại: mục tiêu an ninh – phát triển - ảnh hưởng là ba mục tiêu lớn và có liên hệ, gắn kết chặt chẽ với nhau. Có an ninh thì sẽ có môi trường để phát triển và nâng tầm ảnh hưởng nhưng có phát triển mới có điều kiện vững chắc để đảm bảo an ninh. Dù an ninh là một vấn đề cốt lõi ‘đĩ bất biến’ trong chính sách đối ngoại Việt Nam nhưng việc đặt nặng các vấn đề an ninh một cách quá mức có thể dẫn đến sự tụt hậu về mặt kinh tế và từ đó lại thiếu đi cơ sở để đảm bảo an ninh một cách lâu dài. Có ảnh hưởng cũng sẽ tranh thủ được sự ủng hộ về các vấn đề an ninh và phát triển. Tóm lại, việc cân bằng giữa các mục tiêu cũng cần phải cân nhắc.

Về lựa chọn đối sách phù hợp Để đạt được các mục tiêu trên, Việt Nam cần phải xây dựng một chính sách lâu dài đối phó với những nguy cơ ngăn cản việc đạt được các mục tiêu đó. Đó chính là quan hệ với Trung Quốc. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển trong hệ thống quốc tế nên mối quan hệ với các nước lớn đều mang những đặc điểm của một mối quan hệ bất đối xứng. Tuy nhiên, quan hệ đối với

Trung Quốc phức tạp hơn cả. Có thể nói, vấn đề biển Đông khó có thể giải quyết trong ngắn hạn và quan hệ với Trung Quốc sẽ là vấn đề then chốt trong chính sách đối ngoại của Việt Nam giai đoạn hiện tại và giai đoạn tới. Chính vì vậy, luận án xem xét, cân nhắc 7 lựa chọn chính sách dài hạn để tận dụng cơ hội và ứng phó với những thách thức trên dựa trên những ưu khuyết của mỗi chính sách, tính phù hợp đối với hệ thống quốc tế và với thực lực của Việt Nam.

Có thể thấy rằng, trong bối cảnh hiện tại với xu hướng chuyển dịch quyền lực như các kịch bản đã đặt ra kết hợp cân nhắc thế và lực của Việt Nam trong bàn cờ lớn, lựa chọn chính sách phù hợp đối với Việt Nam nhất là chính sách xây dựng cộng đồng. Để khắc phục những hạn chế của chính sách này, Việt Nam cần phải có một sự tập trung chính sách lớn như thực hiện một loạt các chiến dịch ngoại giao kết hợp giữa song phương và đa phương, kênh I và kênh II nhằm vận động các bên hướng tới hoàn thiện Cộng đồng Đông Á. Trong giai đoạn thực hiện chính sách lớn này, Việt Nam cũng cần giữ mối quan hệ tốt đẹp với các quốc gia trong và ngoài khu vực, nắm lấy cơ hội từ các nước lớn trong khu vực, thông qua hợp tác quốc tế thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá nền kinh tế quốc dân phục vụ mục tiêu phát triển, nâng cao năng lực của quốc gia. Củng cố năng lực quốc gia là biện pháp bền vững nhất giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu an ninh, phát triển và ảnh hưởng đã đặt ra.

Việc lựa chọn chính sách cộng đồng không có nghĩa là bác bỏ hoàn toàn các chính sách khác. Đó vẫn sẽ là những khả năng phải rính đến để áp dụng kết hợp hoặc trong những tình huống chính sách khác. Nhưng trên hết, chính sách lớn nhất và xuyên suốt của Việt Nam vẫn là nâng cao thực lực trên cơ sở xây dựng sức mạnh tổng hợp quốc gia. Một thực lực tốt sẽ giúp Việt Nam thuận lợi hơn nhiều trong việc lựa chọn bất kỳ chính sách nào.

KẾT LUẬN

Từ năm 2001 đến nay, chuyển dịch quyền lực đang diễn ra mạnh mẽ với hai quá trình chuyển dịch nội sinh và ly tâm. Kết quả của quá trình chuyển dịch này dẫn tới một sự thay đổi lớn trong phân bố quyền lực trong các cấu trúc quốc tế.

Thứ nhất, khái niệm quyền lực là một khái niệm trừu tượng và gây nhiều tranh cãi, vì thế cũng có nhiều quan điểm khác nhau xung quanh vấn đề chuyển dịch quyền lực khiến vấn đề này đến nay vẫn chưa được hệ thống hoá. Chỉ riêng nhìn vào sự không thống nhất trong việc các thuật ngữ xung quanh khái niệm này cả bằng tiếng Anh và cách truyền tải sang tiếng Việt đã cho thấy điều đó. Luận án sử dụng thuật ngữ ‘chuyển dịch quyền lực’ để mô tả sự vận động của quyền lực trong phạm vi nghiên cứu giữa các chủ thể là các nước lớn.

Thứ hai, hiện nay, có ba quan niệm phổ biến đối với chuyển dịch quyền lực dựa trên các cách tiếp cận quyền lực đó là: cách tiếp cận nguồn lực, cách tiếp cận quyền lực quan hệ và cách tiếp cận quyền lực cấu trúc. Mỗi cách tiếp cận lại có những ưu khuyết riêng và đặc thù khi áp dụng đối với từng vấn đề nghiên cứu cụ thể. Luận án đi tới lựa chọn cách tiếp cận quyền lực bởi tính tổng thể và phù hợp của nó với đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án. Theo đó, chuyển dịch quyền lực được nhìn nhận là một quá trình thay đổi ảnh hưởng của các nước lớn đối với các luật chơi hay mẫu hình quan hệ trong các hệ thống quốc tế. Cách tiếp cận này sẽ chỉ phù hợp khi áp dụng nghiên cứu quyền lực của các nước lớn bởi chỉ các nước lớn có quyền lực định hình các khuôn khổ, mẫu hình quan hệ giữa các quốc gia và hạn chế trong việc giải thích quyền lực của các nước vừa và nhỏ. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, cách tiếp cận quyền lực cấu trúc đối với chuyển dịch quyền lực sẽ là một lựa chọn phù hợp.

Thứ ba, luận án xác định bốn tiền đề cho chuyển dịch quyền lực bao gồm: (i) biến đổi bên trong bản chất quyền lực, (ii) thay đổi tương quan lực lượng, (iii) điều chỉnh chính sách của các nước lớn, (iv) những

thay đổi của môi trường quốc tế; và ba hình thức chuyển dịch quyền lực bao gồm: (i) chuyển dịch nội sinh, (ii) chuyển dịch ly tâm, và (iii) chuyển dịch ngoại sinh. Trong đó, chuyển dịch nội sinh là quá trình chuyển dịch quyền lực hình thành và phát triển bên trong các cấu trúc sẵn có của hệ thống quốc tế và thường diễn ra một cách tự nguyện giữa các cường quốc đồng minh. Quá trình chuyển dịch quyền lực giữa Anh và Mỹ từ 1918 đến 1945 là một cơ sở lịch sử cho hình thức chuyển dịch nội sinh này. Chuyển dịch ly tâm là sự chuyển dịch quyền lực hình thành từ bên trong cấu trúc sẵn có của hệ thống và có xu hướng phát triển ra bên ngoài- hình thành cấu trúc mới với luật chơi mới và không thuộc ảnh hưởng của siêu cường hay nhóm cường quốc đang dẫn đầu. Quá trình chuyển dịch ly tâm này mang tính cạnh tranh đan xen hợp tác và không nhất thiết phải kết thúc bằng một cuộc chiến tranh. Chuyển dịch quyền lực giữa Liên Xô và Trung Quốc trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trong Chiến tranh Lạnh là một cơ sở lịch sử cho hình thức chuyển dịch ly tâm này. Cuối cùng, chuyển dịch ngoại sinh là quá trình chuyển dịch quyền lực hình thành và phát triển bên ngoài các cấu trúc sẵn có của hệ thống quốc tế. Như vậy, quá trình chuyển dịch quyền lực dẫn tới hình thành thêm một cấu trúc mới. Chuyển dịch ngoại sinh mang tính đối đầu cao và chứa đựng nhiều nguy cơ chiến tranh. Chuyển dịch quyền lực giữa Mỹ và Liên Xô trong hệ thống Yalta (1945-1991) là một cơ sở lịch sử cho hình thức chuyển dịch quyền lực này.

Thứ tư, bốn tiền đề cho chuyển dịch quyền lực giai đoạn 2001 đến nay đã hình thành một cách rõ nét. *Trước hết, về những biến đổi bên trong bản chất của quyền lực*, sau Chiến tranh Lạnh, nổi lên vai trò của kinh tế và khoa học công nghệ thay vì vai trò tuyệt đối của quân sự trong thực thi quyền lực quốc gia. *Tiền đề thứ hai là sự thay đổi nhanh chóng trong tương quan lực lượng*. Về tổng thể, tương quan lực lượng đã có nhiều thay đổi trong vòng 16 năm kể từ 2001. Trong khi các cường quốc mới nổi khác như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ phát triển với tốc độ nhanh chóng từ lĩnh vực kinh tế và có xu hướng đầu tư mạnh mẽ

cho các sức mạnh quân sự, khoa học – công nghệ thì Mỹ cùng các đồng minh dường như vẫn phát triển nhưng với tốc độ chậm hơn trong tương quan với các nước này nên đã bộc lộ một sự suy giảm tương đối khiến cho khoảng cách giữa siêu cường đơn độc và các đồng minh của những năm 1990 với các quốc gia mới nổi này bị thu hẹp lại. *Tiền đề thứ ba là sự điều chỉnh chiến lược căn bản của các nước lớn.* Nhìn chung, từ đầu thế kỷ XXI đến nay, các nước lớn đã có những điều chỉnh rõ nét trong chính sách đối ngoại. Sự điều chỉnh rõ rệt nhất nằm trong chính sách của Mỹ với sự thay đổi trọng tâm chiến lược sang châu Á – Thái Bình Dương trước nguy cơ từ Trung Quốc. Ngược lại, những sự điều chỉnh của Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và EU đều phản ánh mong muốn một cấu trúc đa cực cân bằng hơn thay vì cấu trúc nhất siêu đa cường trong thập niên 1990. Các chính sách này đã góp phần không nhỏ cho quá trình chuyển dịch quyền lực trong quan hệ quốc tế từ 2001 đến nay. Cuối cùng, *về những thay đổi đáng kể trong môi trường quốc tế* bao gồm sự hiện hữu của các nguy cơ an ninh truyền thông bên cạnh sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Sự phụ thuộc này vừa kích thích các quốc gia mưu đạt quyền lực cấu trúc vừa kiểm chế khả năng chuyển dịch ngoại sinh đi kèm các xung đột quân sự lớn.

Thứ năm, từ những tiền đề trên, quá trình chuyển dịch quyền lực đã và đang diễn ra trong các cấu trúc kinh tế và an ninh-chính trị của hệ thống quốc tế. Sự chuyển dịch quyền lực diễn ra rõ nét nhất trong cấu trúc kinh tế bao gồm cả hình thức nội sinh và ly tâm. Quá trình chuyển dịch nội sinh đang diễn ra như một hình thức chia sẻ quyền lực giữa Mỹ và các đồng minh đặc biệt là Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản trong các cơ chế trụ cột của hệ thống kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, một cách tổng thể ở cấp độ toàn cầu vai trò lớn của Mỹ cùng các đồng minh châu Âu và Nhật Bản vẫn được duy trì dựa trên kiến trúc toàn diện với ba trụ cột: IMF, WB và WTO. Tuy nhiên, vai trò lãnh đạo hệ thống kinh tế toàn cầu đã được san sẻ dần cho các đồng minh và cả các cường quốc mới nổi mà chủ yếu là Trung Quốc. Việc quốc tế hóa đồng nhân dân tộc,

những vai trò lớn hơn trong các thể chế tài chính, thương mại toàn cầu do Mỹ dẫn dắt và việc kiến trúc nên những thể chế tài chính cùng các khuôn khổ hợp tác thương mại khu vực mới là những minh chứng rõ ràng cho thấy sự gia tăng mạnh mẽ quyền lực cấu trúc của Trung Quốc trong giai đoạn 2001 đến nay. Trong giai đoạn này, quyền lực cấu trúc mà Trung Quốc nỗ lực đạt được chủ yếu nằm trong phạm vi khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Tuy nhiên, nhìn vào xu hướng mở rộng của các thể chế mà Trung Quốc dẫn dắt, cũng hoàn toàn có khả năng các thể chế đó được quốc tế hóa và cạnh tranh với các thể chế của Mỹ giống như những gì Trung Quốc đã làm đối với đồng nhân dân tệ. Sự chuyển dịch quyền lực trong cấu trúc an ninh không diễn ra mạnh mẽ như trong cấu trúc kinh tế, sự chuyển dịch chủ yếu diễn ra theo hình thức nội sinh với những gánh vác trách nhiệm an ninh lớn hơn từ phía Anh tại NATO ở châu Âu và Nhật Bản ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Thứ sáu, để xây dựng các kịch bản chuyển dịch quyền lực cho đến năm 2035, luận án dựa hai tiền đề khả biến nhất là sự thay đổi tương quan lực lượng và sự điều chỉnh chính sách của chủ thể. Một điểm chung giữa các kịch bản chính là thừa nhận quá trình chuyển dịch ly tâm vẫn tiếp tục xảy ra và sự khác biệt chỉ nằm ở mức độ ly tâm và có kèm theo xung đột, cạnh tranh gay gắt hay không.

Cuối cùng, là một chính sách phù hợp cho Việt Nam. Là một quốc gia đang phát triển lại là láng giềng có tranh chấp lãnh thổ với một nước lớn như Trung Quốc, mối quan hệ với Trung Quốc và biển Đông sẽ là trọng tâm chính sách của Việt Nam trong giai đoạn tới. Trong bối cảnh hiện tại với xu hướng chuyển dịch quyền lực như các kịch bản đã đặt ra kết hợp cân nhắc thế và lực của Việt Nam trong bàn cờ lớn, lựa chọn chính sách phù hợp đối với Việt Nam nhất là chính sách xây dựng cộng đồng mang tính bền vững và phòng ngừa rủi ro. Bên cạnh chính sách lớn này, củng cố năng lực quốc gia là biện pháp bền vững nhất cần phải luôn được duy trì giúp Việt Nam đạt được các mục tiêu an ninh, phát triển và ảnh hưởng đã đặt ra../.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Vũ Văn Anh (2017), “Chuyển dịch quyền lực trong hệ thống quan hệ quốc tế từ năm 2001 -2017”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 4(111), tr. 234-257
2. Vũ Văn Anh (2017), “Đổi mới tư duy về thế giới: Thành tựu và những vấn đề đặt ra”, *“Việt Nam sau 30 năm Đổi mới: Thành tựu và Triển vọng”*, Nxb. Hồng Đức, tr. 233-240
3. Vũ Văn Anh (2017), “Sức mạnh tổng hợp của Ấn Độ sau Chiến tranh Lạnh”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và châu Á*, số 03(52), tr. 1-9
4. Vũ Văn Anh (2017), “Tính cách dân tộc trong quan hệ quốc tế: Từ lý luận đến thực tiễn ở Trung Đông”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông*, số 02(138), tr. 21-28
5. Vũ Văn Anh (2018), “Những thay đổi trong tương quan lực lượng giữa các nước lớn từ năm 2001 đến nay”, *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 06(426), tr.44-51